

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị Đỗ Thị H và anh Kong KB.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Phường TH, quận CG, thành phố HN; cư trú tại: Xã PL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Kong KB, sinh năm 1978; cư trú tại: HQ; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 19/12/2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị H và anh Kong KB kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tháng 4 năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng ngay từ thời gian đầu đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cuộc sống chung vợ chồng tại Hàn Quốc không được như mong muốn của chị H. Anh Kong KB không quan tâm đến chị H, thậm chí còn có những lời nói không hay đối với chị H.

Do vậy, tháng 7/2017, chị H đã về Việt Nam. Kể từ ngày chị H về Việt Nam hai bên không liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy cuộc hôn nhân với anh Kong KB không có hạnh phúc, hai bên không thể khắc phục được mâu thuẫn để tiếp tục chung sống nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Kong KB.

Tại đơn xin ly hôn ngày 23/11/2017 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự) anh Kong KB xác nhận mối quan hệ giữa chị H và anh Kong KB được xác lập như chị H trình bày. Ngay từ khi chung sống, quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị H thấy thất vọng về cuộc sống chung vợ chồng nên không quan tâm đến anh Kong KB. Anh Kong KB đã đồng ý để chị H về Việt Nam. Nay nhận thấy hôn nhân giữa anh Kong KB và chị H không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh Kong KB và chị H ly hôn để mỗi người có cơ hội tạo dựng cuộc sống mới. Anh Kong KB đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn vắng mặt anh.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Chị H và anh Kong KB thống nhất trình bày: Không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai. Anh Kong KB cũng đã đồng ý ly hôn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Kong KB.

Anh Kong KB vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cam kết không kháng cáo bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh Kong KB có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh Kong KB phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Kong KB.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Kong KB và chị H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội năm 2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi chung sống, anh Kong KB và chị Đỗ Thị H đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là các bên tìm hiểu nhau không kỹ, môi trường sống và phong tục tập quán không giống nhau nên ngay sau khi về chung

sống hai bên nhận thấy không thể hòa hợp nên chưa đầy một tháng cả anh Kong KB và chị H đã thống nhất để chị H về Việt Nam và làm thủ tục ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của anh Kong KB và chị H là tự nguyện; phù hợp với mối quan hệ giữa anh Kong KB và chị H và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh Kong KB và chị H đều thống nhất trình bày không có con chung và tài sản chung, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị H được ly hôn với anh Kong KB.

2. Về quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản: Anh Kong KB và chị H đều thống nhất trình bày không có con chung và tài sản chung, không có yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 10566 ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Đỗ Thị H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, anh Kong KB có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận Cầu Giấy;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Minh Phương